

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày: 15/8/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Cúc

Bà Lường Thị Phụng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Sầm Sơn tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2024. Tại hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2024/TLST-HS ngày 19/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HS, ngày 31/7/2024, đối với các bị cáo:

1. Trương Văn G – Sinh năm 2000; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn V; Con bà: Chu Thị T; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2024 đến ngày 17/5/2024 được dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Nguyễn Hữu Q – Sinh năm 2002; Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Hữu B (đã chết); Con bà: Ngô Thị L; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ tư. Vợ con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 30/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Nhân thân: Ngày 26/8/2019 bị Công an phường Q, thành phố S xử phạt hành chính (phạt tiền), về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 02/7/2020 bị Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính (phạt tiền), về hành vi “*Xâm hại sức khỏe người khác*”; Ngày 14/12/2020 bị Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính (phạt tiền), về hành vi “*Xâm hại sức khỏe người khác*”; Ngày 31/12/2020 bị UBND thành phố S, tỉnh Thanh

Hóa xử phạt hành chính (phạt tiền), về hành vi Tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2024 đến ngày 23/5/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Dư Công L1 – SN 1992;

2. Anh Dư Công Đ – SN 1974;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

3. Anh Đỗ Xuân H – SN 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

4. Anh Nguyễn Hữu S – SN 1998;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

5. Chị Đoàn Thị Thùy T1 – SN 2005;

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh hóa.

6. Chị Nguyễn Thị T2 – SN 1977;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

7. Anh Văn Đình T3 – SN 2000;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

Người làm chứng: Anh Lê Văn N – SN 2001;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 13/5/2024, trên tuyến đường D thuộc phường Q, thành phố S, tổ tuần tra Công an thành phố S phát hiện đối tượng Nguyễn Hữu Q ở tổ dân phố C, phường Q, thành phố S điều khiển xe mô tô không gắn biển kiểm soát, tiến hành dừng xe kiểm tra, do Q không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên tổ công tác đưa về Công an thành phố S để xác minh. Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Hữu Q xin tự thú, khai nhận hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cùng với Trương Văn G ở tổ dân phố T, phường Q, thành phố S và giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max gắn sim số 0398166748;

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Hữu Q ở tổ dân phố C, phường Q, thành phố S, thu giữ tại tủ quần áo ở nhà ngang 01 cuốn sổ ghi chép màu xanh bên trong có thông tin việc cho vay lãi nặng. Đến 09 giờ 45 phút ngày 14/5/2024, Trương Văn G đến cơ quan Công an thành phố Sầm Sơn xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max gắn sim số 0812206666. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Văn G ở tổ dân phố T, phường Q, thành phố S không thu giữ gì.

Quá trình điều tra xác định: Từ cuối năm 2023, do nhiều người có nhu cầu vay không có thể chấp tài sản nên G đã cho vay để tính lãi suất cao. G cho vay bằng hình thức viết giấy vay, tính lãi suất từ 3.000đ đến 3.333đ/1.000.000đ/ngày, không ghi lãi suất vào giấy vay, cho vay cắt lãi trước và yêu cầu người vay trả lãi hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền qua tài khoản số 0398166748 ngân hàng M. Từ tháng 01/2024, Trương Văn G thuê Nguyễn Hữu Q 1.000.000 đồng/tháng để đi đòi liên lãi vay và gốc, G cung cấp thông tin về số tiền vay, số tiền lãi, thông tin cá nhân của khách vay (tên, số điện thoại, địa chỉ...), Q ghi vào sổ sách và lưu ở mục ứng dụng "Ghi chú" trong điện thoại để quản lý. Quá trình cho vay và nhận trả lãi vay, tiền gốc của người vay. Q yêu cầu người vay trả lãi vay bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng số 8850499019 ngân hàng B1, cụ thể:

1. Ngày 16/8/2023, Dư Công L1 ở tổ dân phố T, phường Q, thành phố S vay không kỳ hạn số tiền 10.000.000 đồng, G đồng ý, thỏa thuận tiền lãi 1.000.000đồng/tháng, tương đương 3.333đồng/triệu/ngày, tương ứng 121.67%/năm. L1 trả được 03 tháng tiền lãi với số tiền 3.000.000 đồng, chưa trả 05 tháng tiền lãi và số tiền gốc.

Như vậy, từ ngày 16/8/2023 đến ngày 14/5/2024, Dư Công L1 chịu mức lãi suất là 3.333đồng/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 121,67%/năm. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 1.315.068 đồng, G nhằm thu lợi bất chính số tiền 6.684.932 đồng, đã thu được 3.000.000 đồng.

2. Ngày 14/9/2023, Đỗ Xuân H ở tổ dân phố P, phường Q, thành phố S vay 60.000.000 đồng. G đồng ý, thỏa thuận lãi suất 5.400.000 đồng/tháng, tương đương 3.000đ/triệu/ngày, tương ứng 109.5%/năm. 03 tháng đầu, H trả tiền cho G, 03 tháng sau H trả tiền thông qua Q, đến tháng 3/2024, H trả xong tiền gốc và lãi. Tiền lãi theo quy định của nhà nước là 5.917.808 đồng, G thu lợi bất chính 26.482.192 đồng.

3. Ngày 25/11/2023, Văn Đình T3 ở tổ dân phố T, phường Q, thành phố S vay không kỳ hạn 10.000.000 đồng, G đồng ý, thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng/tháng tương đương 3.333đồng/triệu/ngày, tương ứng 121.67%/năm. G cắt lãi trước tháng đầu 1.000.000 đồng. Sau đó T3 trả tiền lãi qua Q, hiện T3 đã trả được 05 tháng tiền lãi với số tiền 5.000.000 đồng, chưa trả được số tiền gốc.

Như vậy, từ ngày 25/11/2023 đến ngày 14/5/2024, Văn Đình T3 chịu mức lãi suất là 3.333đồng/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 121,67%/năm. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 821.981 đồng, G thu lợi bất chính số tiền 4.178.082 đồng.

4. Ngày 03/12/2023, Nguyễn Hữu S ở tổ dân phố A, phường Q, thành phố S vay không kỳ hạn 10.000.000 đồng, G đồng ý, thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng/tháng tương đương 3.333đồng/triệu/ngày, tương ứng 121.67%/năm, G cắt lãi trước tháng đầu 1.000.000 đồng. Sau đó, S trả tiền lãi qua Q, hiện S đã trả được 06 tháng tiền lãi với số tiền 6.000.000 đồng, chưa trả được số tiền gốc.

Như vậy, từ ngày 03/12/2023 đến ngày 14/5/2024, Nguyễn Hữu S chịu mức lãi suất là 3.333đồng/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 121,67%/năm. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 986.301 đồng, G thu lợi bất chính số tiền 5.013.699 đồng.

5. Ngày 02/01/2024, Nguyễn Thị T2 ở tổ dân phố B, phường B, thành phố S, vay 20.000.000 đồng. G đồng ý, thoả thuận lãi suất 2.000.000 đồng/tháng, tương đương 3.333đồng/triệu/ngày, tương ứng 121,67%/năm. G cắt lãi trước tháng đầu 2.000.000 đồng. Sau đó T2 trả tiền lãi qua Q, hiện T2 đã trả được 03 tháng tiền lãi, còn nợ 01 tháng lãi, chưa trả gốc.

Như vậy, từ ngày 02/01/2024 đến ngày 14/5/2024, Nguyễn Thị T2 chịu mức lãi suất là 3.333đồng/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 121,67%/năm. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 1.315.068 đồng, G nhằm thu lợi bất chính số tiền 6.684.932 đồng, đã thu được 6.000.000 đồng.

6. Ngày 06/01/2024, Dư Công Đ ở tổ dân phố T, phường Q, thành phố S vay 30.000.000 đồng. G đồng ý, cùng Q yêu cầu viết giấy vay tiền, thỏa thuận cắt lãi tháng đầu 3.000.000 đồng, các tháng tiếp theo Đ trả lãi 2.700.000 đồng/tháng. Lãi xuất 3.111đ/triệu/ngày, tương đương mức lãi xuất 113.56%/năm. Đến tháng 4/2024, Đ trả 03 tháng tiền lãi, số tiền 8.400.000 đồng và tiền gốc.

Như vậy, từ ngày 06/01/2024 đến ngày 14/5/2024, Dư Công Đ chịu mức lãi suất là 3.111đồng/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 113,56%/năm. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 1.479.452 đồng, G thu lợi bất chính số tiền 6.920.548 đồng.

7. Ngày 24/01/2024, Đoàn Thị Thùy T1 ở thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, vay 10.000.000 đồng với lãi suất 1.000.000 đồng/tháng tương đương 3.333đồng/triệu/ngày, tương ứng 121.67%/năm. G đồng ý, giao Q cho vay và thu lãi, cắt lãi tháng đầu 1.000.000 đồng. Hiện tại, T1 đã trả được 04 tháng tiền lãi với số tiền 4.000.000 đồng, chưa trả gốc.

Như vậy, từ ngày 24/01/2024 đến ngày 14/5/2024, Đoàn Thị Thùy T4 chịu mức lãi suất là 3.333đồng/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 121,67%/năm. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 657.534 đồng, G thu lợi bất chính số tiền 3.342.466 đồng.

Căn cứ Thông tư số: 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N2 về quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với khách hàng, xác định Trương Văn G cho 07 người vay tiền với tổng số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất từ 109.5% đến 121,67%/năm cao gấp từ 5,475 lần đến 6,08 lần mức lãi suất cao nhất (không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), nhằm thu lợi bất chính số tiền 59.306.849 đồng, đã thu lợi bất chính 53.457.534 đồng. Trong đó G chịu trách nhiệm trong việc thu toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 59.306.849 đồng, Q chịu trách nhiệm trong thu lợi bất chính số tiền 41.052.055 đồng

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại Iphone 11 Pro max gắn sim số 0398166748 và 01 cuốn sổ ghi chép màu xanh của Nguyễn Hữu Q; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS max gắn sim số 0812206666 của Trương Văn G, hiện đang bảo quản theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đoàn Thị Thùy T1, Nguyễn Hữu S đề nghị Trương Văn G trả lại tiền thu lời bất chính.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Dư Công L1, Dư Công Đ, Đỗ Xuân H, Văn Đình T3, Nguyễn Thị T2 không yêu cầu Trương Văn G phải trả lại số tiền thu lời bất chính.

Cáo trạng số 43 ngày 18/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn truy tố: Trương Văn G và Nguyễn Hữu Q, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 201, Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (Đối với các bị cáo); Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS (Đối với bị cáo Trương Văn G); Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 điều 52; Điều 36 BLHS (Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q)

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo Trương Văn G. Phạt Trương Văn G số tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, nộp ngân sách Nhà nước; Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q, với mức 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q.

Về biện pháp tư pháp cần áp dụng để giải quyết vụ án:

- Đối với khoản tiền Trương Văn G sử dụng để cho những người liên quan vay là 150.000.000 đồng, hiện tại chưa thu được từ người liên quan Dư Công L1, Văn Đình T3, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Thị T2, Đoàn Thị Thùy T1 - Tổng là 60.000.000 đồng; Bị cáo đã thu được của Đỗ Xuân H và Dư Công Đ - Tổng là 90.000.000 đồng – được xác định là công cụ phạm tội đề nghị tịch thu xung công quỹ nhà nước, vì vậy đề nghị truy thu từ người liên quan là 60.000.000 đồng, truy thu từ bị cáo 90.000.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20% năm, là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người vay, nên bị cáo phải trả lại cho người vay có yêu cầu là Đoàn Thị Thùy T1 3.343.000 đồng, Nguyễn Hữu S 5.014.000 đồng; Còn những người liên quan khác không có yêu cầu, đề nghị không xem xét.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% là: 11.342.466 đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, mà bị cáo G đã thu từ những người liên quan đề nghị HĐXX tuyên truy thu từ bị cáo G, xung công quỹ nhà

nước; Đối với số tiền mà Q nhận tiền công do G trả là 5.000.000 đồng, xác định là tiền do phạm tội mà có, đề nghị truy thu xung công quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone11 Promax của Nguyễn Hữu Q và 01 điện thoại Iphone XS max của Trương Văn G

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên, ở các giai đoạn điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định trong bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không có khiếu nại. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được, đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2023 đến ngày 14/5/2024, Trương Văn G cùng với Nguyễn Hữu Q đã cho 07 người vay với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 109.5%/năm, đến 121,67% vượt 5,475 lần đến 6,08 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nhằm thu lợi bất chính 59.306.849 đồng, đã thu lời bất chính 53.457.534 đồng, trong đó G chịu trách nhiệm toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 59.306.849 đồng, Q chịu trách nhiệm thu lời bất chính số tiền là 41.052.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo, đủ cơ sở để đưa các bị cáo ra xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này có Lê Văn Nam giới t cho Đỗ Xuân H vay tiền của G, viết giấy vay nợ và chuyển tiền lãi của H cho G, tuy nhiên N không biết việc G và H thỏa thuận mức lãi suất như thế nào, số tiền hàng tháng H nhờ chuyển, không nói là tiền lãi hay tiền gốc nên N không biết, không được hưởng lợi từ khoản vay này, do đó cơ quan điều tra không xử lý đối với Lê Văn N là có căn cứ.

[3]. *Tính chất của vụ án*: Cho vay nặng lãi thực chất là hình thức tín dụng tư nhân, chuyên cho vay với mức lãi suất cao so với lãi suất thông thường, không nằm trong khuôn khổ hoạt động của các tổ chức tín dụng hợp pháp, không theo các quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng ngân hàng. Thời

gian gần đây, hoạt động cho vay nặng lãi hay còn gọi là tín dụng “đen” đang có những diễn biến phức tạp trên cả nước, đồng thời cũng là nguyên nhân sâu xa dẫn đến không ít vụ án nghiêm trọng, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng, cụ thể là xâm phạm đến trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, xem thường kỷ cương pháp luật, ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với loại tội phạm này để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. *Xét vai trò của từng bị cáo:* Trương Văn G là người cho vay, tiền cho vay là của G, mức lãi suất do Giang tự quyết định vì vậy Trương Văn G có vai trò đầu và phải chịu trách nhiệm với toàn bộ số tiền cho vay lãi nặng, Nguyễn Hữu Q được G thuê đi đòi tiền nợ gốc và lãi, Q tích cực thực hiện và được G trả công nên có vai trò sau bị cáo G.

[5]. *Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.*

Bị cáo Trương Văn G không có tình tiết tăng nặng TNHS, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” Biết hành vi của mình không thể trốn tránh được nên đã ra cơ quan công an khai báo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*đầu thú*”; Bị cáo còn có bố là Trương Văn V được Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tặng Kỷ niệm chương vì chủ quyền an ninh biên giới; có ông, bà được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, hạng ba và Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến của Bộ. Các tình tiết nêu trên được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hữu Q có một tiền án về tội Gây rối trật tự công cộng, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*”, có nhân thân xấu; Được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS “*Người phạm tội tự thú*”, “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, có bố là Nguyễn Hữu B được Bộ Q1 tặng Bằng khen, có ông là Nguyễn Đức N1 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì. Các tình tiết nêu trên được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của các bị cáo. Xét thấy cần phải xử lý trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo Trương Văn G và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q, cũng đủ để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Nguyễn Hữu Q là thanh niên mới lớn, chưa có việc làm, chưa có thu nhập, bị cáo lại mới ra trại vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7]. *Về các biện pháp tư pháp*. (Khoản 1 Điều 46 BLHS).

- Đối với khoản tiền Trương Văn G sử dụng cho những người liên quan vay tổng cộng là 150.000.000 đồng được xác định là công cụ phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền này còn chưa thu được từ người liên quan Dư Công L1 10.000.000 đồng, Văn Đình T3 10.000.000 đồng, Nguyễn Hữu S 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị T2 20.000.000 đồng, Đoàn Thị Thùy T1 10.000.000 đồng; Bị cáo đã thu được từ Đỗ Xuân H 60.000.000 đồng; Dư Công Đại 30.000.000 đồng; Vì vậy truy thu từ bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan L1, T3, S, T2, T1 (điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS).

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% năm là: 11.342.466 đồng, đây là khoản tiền lợi nhuận phát sinh từ tội phạm, bị cáo đã được nhận từ người vay, cần truy thu từ bị cáo G để nộp ngân sách nhà nước; Đối với số tiền công mà bị cáo Q được G trả là 5000.000 đồng, xác định là tiền do phạm tội mà có, cần truy thu xung công quỹ nhà nước. (Điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS)

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt trên 20% tổng cộng là: 53.457.534 đồng (số thực thu), đây là khoản tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nên bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu là Đoàn Thị Thùy T1 3.343.000 đồng, Nguyễn Hữu S 5.014.000 đồng; Còn những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu, HĐXX không xem xét. (Khoản 2 Điều 47 BLHS).

- 01 điện thoại Iphone11 Promax thu của Nguyễn Hữu Q và 01 điện thoại Iphone XS max thu của Trương Văn G, các bị cáo sử dụng gọi cho người vay đòi trả gốc, lãi – là công cụ phạm tội cần tịch thu phát mãi nộp ngân sách Nhà nước. (Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BL Tố tụng Hình sự).

[8]. *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTV QH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201, Điều 47; Điều 58 BLHS (đối với các bị cáo); Điều 35; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS (Đối với bị cáo Trương Văn G); Điều 36; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS (Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q)

- Điểm a, b khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 – UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn G và Nguyễn Hữu Q phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Về hình phạt:

- Áp dụng phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Trương Văn G số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt Bị cáo Nguyễn Hữu Q 09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày (*Từ ngày 14/5/2024 đến ngày 23/5/2024*) = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo phải chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 08 tháng 03 ngày. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố S nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Q

Các biện pháp tư pháp: Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 150.000.000 đồng (Trong đó truy thu từ bị cáo Trương Văn G số tiền 90.000.000 đồng, truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Dư Công L1 số tiền 10.000.000 đồng, Văn Đình T3 số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Hữu S số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị T2 số tiền 20.000.000 đồng, Đoàn Thị Thùy T1 số tiền 10.000.000 đồng)

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% năm là: 11.342.466 (làm tròn số: 11.342.000) đồng từ bị cáo Trương Văn G; Truy thu số tiền 5.000.000 đồng do phạm tội mà có từ bị cáo Nguyễn Hữu Q.

- Bị cáo Trương Văn G phải trả lại khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt trên 20% mà bị cáo đã thu, cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đoàn Thị Thùy T1 số tiền 3.343.000 đồng, anh Nguyễn Hữu S số tiền 5.014.000 đồng; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 11 Promax của Nguyễn Hữu Q và 01 điện thoại Iphon XS max của Trương Văn G. Theo biên bản giao nhận vật chứng số 47, ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được quyết định thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án DS./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVQL;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phong